

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 287/TCHQ-GSQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu mới

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Điều 12 Pháp lệnh hải quan ngày 20-2-1990;

Căn cứ Nghị định số 171/HĐBT ngày 27-5-1991 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành kèm theo Bản quy định thủ tục hải quan và lệ phí hải quan;

Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục kiểm tra - thu thuế xuất nhập khẩu và ông Cục trưởng Cục giám sát quản lý hải quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu ký hiệu HQ-96 (theo mẫu đính kèm) và bản hướng dẫn sử dụng.

Điều 2: Huỷ bỏ mẫu tờ khai HQ1AKD-95; HQ1DT-95; HQ1AGC-95 và bản hướng dẫn sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 244/TCHQ-GSQL ngày 16-8-1995 của Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan.

Điều 3: Mẫu tờ khai HQ-96 được sử dụng từ ngày 1-1-1996.

Điều 4: Các ông thủ trưởng các Vụ, Cục và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, Cục trưởng Cục hải quan các tỉnh, thành phố và các đơn vị xuất, nhập khẩu có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TỔNG CỤC HẢI QUAN

TỜ KHAI HÀNG HOÁ XUẤT/NHẬP KHẨU

Customs general department Customs declaration for im - export commodities

Cục Hải quan..... Sêri: AB/96

Customs department Seris

Hải quan cửa khẩu..... Số: 0001126

Port customs office No

Dấu tiếp nhận tờ khai Registered	Dấu đã làm thủ tục Hải quan Cleared seal	Dấu phúc tập tờ khai Re-inspected seal
1. Đơn vị xuất nhập khẩu Exporter	4. Số tờ khai Ngày đăng ký Dedaration number Date of registration	
	5. Loại hình XNK Mode of Im-Export	
	6. Nước nhập/xuất Contry of Im-Export	
Mã: Code	7. Số giấy phép Ngày hết hạn Licence No Date of Expiration	
2. Đơn vị nhập khẩu Importer	8. Hơn đồng số Contract No	
	9. Số vận tải đơn Bill No.	

[illegible]

21. Giấy tờ kèm theo Attached documents	22. Người khai cam đoan nội dung khai trên là đúng The dedarant undertaker the content of the above dedaration is fuliy true Ngày... tháng... năm... Date (Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Name, signature, Seat)
---	--

23. Địa điểm kiểm hoá Place of goods inspection 24. Thời gian kiểm hoá Date of inspection 25. Phương pháp kiểm hoá Method of inspection

	STT TH	26. Tên hàng, mã số Goods description & code	27. Lượng Quantity	28. Xuất xứ Origin	29. Nhất xét kết quả kiểm hóa Goods inspection remarks by examing officer (Ký ghi rõ họ tên) (Name, signature)
Ghi kết quả kiểm hóa Note on result of goods in spection					

							30. Chủ hàng xác nhận kết quả kiểm hóa Confirm by the goods owner on inspection result	31. Trưởng phòng GSQL hoặc trưởng HQCK Chief of inspection section or chief of Customs point
	S TT TH	32. Loại thuế, lệ phí-Mã số hàng hóa Duty, taxes & charge-goods code	27. Lượng Quantity	33. Đ.giá tính thuế Value for Taxation	34. Tổng trị giá tính thuế Total value for Taxation	35. Thuế suất Tariff	36. Số thuế lệ phí phải nộp Amount to be paid	37. Số biên lai Receipt No ngày, tháng, năm Date
Phần tính		Thuế						